

ÁN LỆ VÀ VIỆC ÁP DỤNG ÁN LỆ TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Phạm Thị Huyền*

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Án lệ là một nguồn luật quan trọng, có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời trong nền khoa học pháp lý của nhiều quốc gia. So với nguồn luật văn bản quy phạm pháp luật thì án lệ cũng có những ưu điểm và nhược điểm nhất định. Trong lịch sử pháp lý của Việt Nam, án lệ cũng đã được áp dụng từ rất lâu nhưng từ khi Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP có hiệu lực thì những quy định về án lệ mới trở nên quan trọng hơn và có tính áp dụng cao hơn và trở thành một nguồn luật chính thức trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: *Án lệ, Common Law, Civil Law, phán quyết, toà án, thẩm phán, văn bản pháp luật, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đời sống kinh tế xã hội luôn vận động nhanh chóng, không ngừng, đòi hỏi pháp luật phải có sự điều chỉnh kịp thời. Nhưng không phải bao giờ nhà nước cũng kịp thời ban hành các quy phạm pháp luật mới để đáp ứng nhu cầu đó. Luật thành văn dù có chặt chẽ, rõ ràng, ổn định, song cũng có những hạn chế dẫn đến hệ quả là luật pháp có thể lạc hậu hay thiếu hụt để giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Án lệ chính là một dạng nguồn quan trọng của pháp luật, bổ khuyết cho những nhược điểm đó.

Với nhiều quốc gia trên thế giới, án lệ là một trong những loại nguồn quan trọng và có lịch sử phát triển lâu đời trong hệ thống pháp lý. Tuy nhiên ở Việt Nam, án lệ chỉ mới được công nhận và áp dụng trong thời gian gần đây; vì vậy vẫn còn rất ít những nghiên cứu về vấn đề này. Nghiên cứu này đưa ra cách nhìn tổng quan nhất về án lệ và việc áp dụng án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê lịch sử kết hợp với các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh so sánh luật học để nghiên cứu về án lệ và việc áp dụng án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này đưa ra cách nhìn tổng quan nhất về án lệ, án lệ trong lịch sử pháp lý thế giới từ đó đưa ra những nhận xét về những ưu, nhược điểm của án lệ. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sẽ chỉ ra lịch sử phát triển của án lệ trong lịch sử pháp lý của Việt Nam và việc áp dụng án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam kể từ khi có Nghị quyết 03/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

NGHIÊN CỨU VÀ TRAO ĐỔI

Án lệ trong lịch sử pháp lý thế giới

Dưới góc độ khoa học pháp lý đã được nhiều quốc gia thừa nhận và thực hiện. Án lệ được hiểu là những bản án, quyết định đã được Tòa án tuyên ra trước đây để giải quyết những sự việc cụ thể trên thực tế. Những phán quyết, bản án này sau đó được ghi nhận trong các tập san án lệ, các báo cáo tổng hợp án lệ... đó chính là một căn cứ quan trọng để phán quyết, bản án đó trở thành khuôn mẫu, trở thành cơ sở để tòa sử dụng trong xét xử nhằm đưa ra phán quyết trong những vụ việc có tính tiết, vấn đề tương tự sau đó. Để một bản án, quyết định của Tòa án trở thành án lệ là nó phải có tính khuôn mẫu, có khả năng áp dụng lại sau này để làm cơ sở cho việc xét xử đối với những trường hợp chưa có pháp luật điều chỉnh hoặc có, nhưng không phù hợp với thực tiễn.

* Tel: 0915526456; Email: Phamhuyen2084@gmail.com

Đối với hệ thống pháp luật Civil Law (hay gọi đơn giản là hệ thống pháp luật Pháp - Đức), án lệ có một lịch sử hình thành và phát triển từ rất lâu đời. Được khởi nguồn từ việc Hoàng đế Severus cai trị La Mã từ năm 193 đến năm 211 cho phép các thẩm phán bổ sung những lỗ hổng của luật thành văn bằng tập quán và thực tiễn xét xử của các vụ việc tương tự. Mặc dù lịch sử áp dụng án lệ đã từng có nhiều thăng trầm, nhưng đối với hệ thống Civil Law hiện nay vẫn là một nguồn cực kỳ quan trọng trong áp dụng pháp luật tại các quốc gia này. [6]

Đối với hệ thống Common Law (gọi đơn giản là hệ thống pháp luật Anh - Mỹ), án lệ được xem là nguồn luật cơ bản, án lệ được ví “như là mạch máu” xuyên suốt hệ thống Common law. Common Law là hệ thống pháp luật ra đời ở Anh, sau này phát triển ở Mỹ và những nước là thuộc địa của Anh, Mỹ trước đây. Đây là hệ thống pháp luật phát triển từ những tập quán (customs), còn được gọi là hệ thống pháp luật tập quán, hay hệ thống pháp luật coi trọng tiền lệ (precedents/ judge made law). Thuật ngữ Thông luật (Common Law) xuất phát từ quan điểm cho rằng các tòa án do nhà vua lập ra, áp dụng các tập quán chung (Common Custom) của vương quốc, trái ngược với những tập tục luật pháp địa phương áp dụng ở các miền hay ở các tòa án của điền trang, thái ấp phong kiến. Cụ thể, năm 1154, Vua Henry II đã tạo ra một hệ thống luật chung và sáng tạo ra một hệ thống tòa án thống nhất đầy quyền năng, ông đưa các thẩm phán từ Tòa án Hoàng gia đi khắp nơi trong nước để sưu tầm và chọn lọc cách thức giải quyết các tranh chấp. Những thẩm phán sau đó trở về thành Luân Đôn và thảo luận về các vụ tranh chấp này với các thẩm phán khác. Những phán quyết sẽ được ghi lại và dần trở thành án lệ (precedent). Thuật ngữ “Common Law” chính thức xuất hiện. Theo đó, khi xét xử thẩm phán sẽ chịu sự ràng buộc bởi những phán quyết đã có từ trước đó, nguyên tắc này được gọi là *stare decisis*. Nguyên tắc *stare decisis* yêu cầu thẩm phán phải dựa theo các

phán quyết trước đây khi xét xử các vụ án có những nét tương đồng. Mặt khác, nguyên tắc này cũng giúp các thẩm phán đưa ra những phán quyết đối với các vụ án phức tạp khi không có cơ sở pháp lý rõ ràng, dựa vào đó để ra phán quyết. Trong những trường hợp này, thẩm phán thường trích dẫn những phán quyết trước đây đối với các vụ án tương tự. [7]

Những ưu điểm và hạn chế của án lệ

Ưu điểm của án lệ

So với nguồn văn bản pháp luật, theo chúng tôi, có thể chỉ ra một số ưu điểm của án lệ như sau:

Án lệ kịp thời giải quyết các quan hệ xã hội pháp luật

Luật pháp mang tính ổn định tương đối trong khi các quan hệ xã hội luôn vận động và phát triển, vì vậy bao giờ cũng có khoảng cách giữa khả năng thực tế điều chỉnh của pháp luật và nhu cầu cần điều chỉnh bằng pháp luật của các quan hệ xã hội. Dù nhà làm luật có khả năng dự báo xu hướng phát triển, thấy được nhu cầu cần điều chỉnh bằng pháp luật của các quan hệ xã hội nhưng chỉ ở một mức độ nhất định, về cơ bản nhà làm luật luôn đi sau sự phát triển của các quan hệ xã hội. Án lệ có khả năng khắc phục những lỗ hổng pháp luật một cách nhanh chóng và kịp thời hơn so với việc phải trải qua một quy trình và thủ tục lập pháp rất phức tạp.

Án lệ mang tính thực tiễn cao

Các thẩm phán khi giải quyết vụ việc không nhằm mục đích tạo ra các quy tắc mà chủ yếu nhằm giải quyết tranh chấp của các bên về những vấn đề nhất định trong một vụ việc cụ thể. Có thể nói án lệ xuất phát từ thực tiễn và dùng để giải quyết công việc của thực tiễn. Trong những tình huống nhất định luật pháp luôn đi tìm các giải pháp để giải quyết vấn đề từ thực tiễn, các giải pháp này không mang nặng lý thuyết, không thiên về lý luận mà dễ vận dụng.

Án lệ mang tính mềm dẻo, linh hoạt

Luật thành văn đôi khi còn khô khan và cứng nhắc, quy phạm pháp luật đôi khi không bắt

kịp với xu thế vận động và phát triển không ngừng và trở nên lạc hậu so với điều kiện kinh tế, chính trị xã hội mới. Việc này tạo ra sự khó khăn cho người áp dụng pháp luật; để khắc phục những quy phạm pháp luật này thì cần phải sửa đổi, bổ sung luật thông qua một quy trình phức tạp tốn nhiều thời gian và công sức của quốc hội. Tuy nhiên, khi khắc phục những quy phạm pháp luật lạc hậu này thì các quy phạm pháp luật lạc hậu khác cũng xuất hiện. Những hạn chế trên sẽ không tìm thấy trong hệ thống án lệ vì các quy tắc tồn tại trong các phán quyết của tòa án không rõ ràng như các quy phạm pháp luật trong pháp luật thành văn nên khi một quy tắc không hợp lý hoặc không phù hợp nữa với điều kiện kinh tế xã hội mới thì các thẩm phán sẽ tìm cách phân biệt để tránh áp dụng tiền lệ đó.

Án lệ thể hiện tính khách quan và công bằng.

Trước hết, một quy tắc án lệ không phải hình thành từ một bản án cụ thể, mà nó phải được hình thành qua hàng loạt các vụ việc tương tự về sau, bản án đầu tiên chỉ là hình mẫu phác thảo lên một quy tắc án lệ. Hai là, quy tắc án lệ trong pháp luật là kết quả của quá trình đưa ra những lý lẽ và tranh luận lâu dài. Sự tranh luận được thể hiện thông qua sự tranh luận giữa bên nguyên và bên bị trong vụ việc, giữa các thẩm phán trong hội đồng xét xử, giữa các thẩm phán sau với các thẩm phán trước đó khi họ vận dụng lý lẽ của các phán quyết trước. Ba là, quy tắc án lệ phải được thừa nhận là giá trị chung hay là lý lẽ chung, mang lại công bằng và lẽ phải.

Những hạn chế của án lệ

So với pháp luật thành văn, án lệ tuy có nhiều ưu điểm vượt trội nhưng bên cạnh đó, nó vẫn tồn tại những hạn chế cơ bản như sau:

Án lệ không mang tính hệ thống

Án lệ không mang tính hệ thống và các quy tắc tồn tại trong bản án không rõ ràng như các quy phạm pháp luật trong các văn bản pháp

luật thành văn gây ra trở ngại trong nhận thức và áp dụng pháp luật thống nhất. Điều khó khăn nhất là xác định các quy tắc, suy luận và tìm kiếm chúng trong lời lẽ của các thẩm phán được ghi lại trong bản án khi giải quyết một vụ việc cụ thể với nhiều tình tiết phức tạp. Mặt khác, việc hệ thống hóa án lệ trong các tập án lệ chỉ đơn thuần là việc sắp xếp thành các chế định pháp luật, ngành luật như các nước thuộc hệ thống Civi law. Điều này gây ra khó khăn nhất định cho việc nhìn pháp luật dưới góc độ hệ thống hay tổng quan.

Các bản án là án lệ tăng liên tục theo thời gian cũng gây ra khó khăn trong quá trình vận dụng án lệ. Với khối lượng án lệ ngày càng đồ sộ đã làm cho các thẩm phán, luật sư ngày càng khó khăn hơn trong việc tìm kiếm các quy tắc thích hợp để giải quyết các vụ việc cụ thể.

Hệ thống án lệ không ổn định

Mặc dù án lệ được áp dụng linh hoạt, thực tế xong trong một vài trường hợp các thẩm phán, luật sư lại né tránh áp dụng tiền lệ bằng cách đưa ra các tình tiết khác biệt. Do đó dẫn đến sự bất ổn định của hệ thống án lệ.

Án lệ vượt qua ranh giới giữa quyền lập pháp và tư pháp

Theo tư tưởng phân chia quyền lực trong tổ chức bộ máy nhà nước, quyền lực nhà nước được chia thành ba nhánh và giao cho ba cơ quan khác nhau nắm giữ, cụ thể: lập pháp giao cho nghị viện, hành pháp giao cho chính phủ và tư pháp giao cho tòa án. Như vậy, nếu trao thẩm quyền làm luật cho tòa án sẽ vi phạm nguyên tắc này, tòa án sẽ lấn sân chức năng làm luật của nghị viện.

Án lệ ở Việt Nam

Lịch sử án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam

“Án lệ” không phải là thuật ngữ hoàn toàn mới trong nền lập pháp Việt Nam, lịch sử pháp lý nước ta đã có những quy định về án lệ, từ thế kỷ thứ 15, Bộ luật Hồng Đức đã có

nhiều điều khoản mang dấu ấn, sự tổng kết từ “án lệ”³ [1].

Thời Nguyễn, sau khi xét xử một vụ việc và đã ra bản án, vua Minh Mạng có chỉ dụ rằng: “*Từ nay, phạm là các quan văn, quan võ nào có tội giáng bỏ đi hiệu lực thì cứ chiếu theo lệ ấy*” [2].

Dưới chế độ Sài Gòn trước năm 1975 vốn chịu ảnh hưởng của luật pháp châu Âu, nhất là luật pháp của Pháp, đặc biệt là pháp luật dân sự, tiền lệ pháp cũng được coi là một nguồn trong lĩnh vực dân sự, Bộ Tư pháp đã xuất bản án lệ theo định kỳ ba tháng. Án phẩm đăng tải những trích dẫn về quan điểm hay định hướng xét xử trong các bản án của Tối cao pháp viện, Tòa hành chính, Tòa thượng thẩm... Những bản án này là một trong những căn cứ pháp lý để xét xử cho các tranh chấp tương tự về sau.

Trong giai đoạn miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, để thống nhất việc xử phạt một số loại tội phạm, ngày 19/01/1955 Thủ tướng Chính phủ ban hành Thông tư số 442/TTg về việc trừng trị một số tội phạm, mà theo đó, Thông tư nêu rõ: “...*Kinh nghiệm xét xử về một số loại phạm pháp đã được trở thành án lệ. Tuy nhiên, án lệ ấy còn khác nhau giữa các địa phương. Đường lối xét xử do đó không được thống nhất, rõ ràng và có nơi không được đúng. Cần phải thống nhất những án lệ ấy trong quy định chung sau đây để hướng dẫn các tòa án trừng trị một số tội phạm thông thường*”.

Nghị quyết số 49/NQ-TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị

³ Điều 396 qui định: “Ông tổ là Phạm Giáp sinh con giai trưởng là Phạm Ất, thứ là Phạm Bính. Ông tổ Phạm Giáp có ruộng đất hương hỏa 2 mẫu đã giao cho con trưởng là Phạm Ất giữ. Phạm Ất đã đem 2 mẫu ấy nhập vào với ruộng đất của mình mà chia cho các con, chỉ còn 5 sào để cho con trai của Phạm Ất giữ làm hương hỏa. Con trai của Phạm Ất lại sinh toàn con gái mà con thứ là Phạm Bình có con trai lại có cháu trai, thì số 5 sào hương hỏa hiện tại phải giao lại cho con trai, cháu trai Phạm Bình. Nhưng không được đòi lại cho đủ 2 mẫu hương hỏa của tổ trước mà sinh cạnh tranh.”

ngày 02/06/2005 đã đề ra mục đích xây dựng và hoàn thiện từng bước hoạt động của Tòa án nhân dân là “*Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm và tái thẩm*” [4]. Việc sử dụng thuật ngữ án lệ trong Nghị quyết 49/NQ-TW 2005 là chuyển biến lớn về mặt đường lối. Sau đó trong điểm c, khoản 01, Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án năm 2014 cũng quy định Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) có thẩm quyền “*Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử*” [3].

Nhưng chỉ đến Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP thì những quy định về án lệ mới thực sự được thay một lớp áo mới, quan trọng hơn và có tính áp dụng cao hơn. Trước đó, dù án lệ không được coi là một dạng nguồn của pháp luật chính thức, nhưng thực tế, “án lệ” bằng cách này hay cách khác đã và đang hiện diện trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Những văn bản tổng kết hướng dẫn nghiệp vụ xét xử hằng năm của TANDTC, các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC phục vụ cho công tác xét xử .v.v. từ lâu cũng đã là những “tiền lệ” phục vụ cho các tòa án cấp dưới trong hoạt động xét xử.

Áp dụng án lệ để giải quyết các tranh chấp tại Tòa án trong giai đoạn hiện nay

Ngày 28/10/2015, Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP “về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ” (Nghị quyết số 03/2015). Việc ban hành Nghị quyết này nhằm cụ thể hóa quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 về sử dụng án lệ như là một phương thức mới của Tòa án trong việc áp dụng thống nhất pháp luật khi xét xử. Quy trình lựa chọn,

công bố án lệ nêu trên là những vấn đề mới cần được phân tích, đánh giá làm sáng tỏ để có nhận thức thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Khái niệm án lệ được định nghĩa tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị quyết số 03/2015. Điều 1: *“Án lệ là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể”*. Với định nghĩa này, thì khái niệm án lệ là chưa đủ rõ về mặt nội dung. Do đó, Điều 2 đã tiếp tục cụ thể hóa nội dung của án lệ, theo đó án lệ là *“những lập luận làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau; phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng”* [5].

Như vậy, khái niệm án lệ trong pháp luật Việt Nam có thể được hiểu như sau: *“Án lệ được hiểu là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán TANDTC lựa chọn và được Chánh án TANDTC công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử.”*

Nghị quyết số 03/2015 quy định về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Theo đó, án lệ được lựa chọn phải đáp ứng được các tiêu chí:

- (i) Chứa đựng lập luận để làm rõ quy định của pháp luật còn có cách hiểu khác nhau; phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể;
 - (ii) Có tính chuẩn mực;
 - (iii) Có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử, bảo đảm những vụ việc có tính tiết, sự kiện pháp lý như nhau thì phải được giải quyết như nhau.
- Việc áp dụng án lệ trong thực tiễn xét xử phải tuân theo các nguyên tắc sau:
- (iv) Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ để giải quyết các

vụ việc tương tự, bảo đảm những vụ việc có tính tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau.

(v) Trường hợp áp dụng án lệ thì số bản án, quyết định của Tòa án có chứa đựng án lệ, tính chất, tính tiết vụ việc tương tự được nêu trong án lệ và tính chất, tính tiết vụ việc đang được giải quyết, vấn đề pháp lý trong án lệ phải được viện dẫn, phân tích, làm rõ trong bản án, quyết định của Tòa án; trường hợp không áp dụng án lệ thì phải phân tích, lập luận, nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án.

(vi) Thẩm phán, Hội thẩm không áp dụng án lệ trong trường hợp có sự thay đổi của Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ mà án lệ không còn phù hợp hoặc do chuyển biến tình hình mà án lệ không còn phù hợp.

KẾT LUẬN

Án lệ là một vấn đề không mới trong lịch sử pháp lý của Việt Nam, nhưng chỉ khi được ghi nhận cụ thể tại Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP thì Án lệ mới chính thức trở thành một nguồn chính thống của pháp luật, có vị trí quan trọng và có tính áp dụng cao hơn. Tính tới thời điểm hiện nay, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã công bố 10 án lệ trong đó có 01 án lệ Hình sự (về vụ án giết người), 04 án lệ Dân sự (Tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp thừa kế, tranh chấp quyền sở hữu, sử dụng nhà), 01 án lệ Hôn nhân và gia đình (Ly hôn), 02 án lệ Kinh doanh thương mại (Tranh chấp về hợp đồng thương mại, tranh chấp về hợp đồng tín dụng), 01 án lệ Hành chính (Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất) và vẫn đang tiếp tục nghiên cứu, bổ sung những án lệ mới để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Trong bối cảnh nước ta đang tích cực đổi mới trên nhiều lĩnh vực, tích cực hội nhập quốc tế, với ý nghĩa và giá trị đã được thừa nhận của án lệ theo kinh nghiệm quốc tế thì việc áp dụng án lệ là phương thức hiệu quả để góp phần nâng cao năng lực của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại, đặc biệt là những tranh chấp có yếu tố nước ngoài, bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong xét xử, tạo lập tính ổn định, minh bạch và tiên liệu được trong các phán quyết của Tòa án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý (2005), *Quốc triều hình luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 223.
2. Bùi Xuân Đỉnh (1999), *101 câu chuyện pháp luật thời xưa*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr. 118.
3. Quốc hội khóa XII (2014), *Luật tổ chức Tòa án năm 2014*, Điểm C khoản 2 Điều 22, Nxb Tư pháp, 2015, tr. 25.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP Về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*.
6. <http://lqp.vn/tin-tuc-phap-luat/an-le-trong-lich-su-phap-ly-the-gioi-va-ap-dung-o-viet-nam>, đăng ngày 17/12/2016.
7. <http://thegioiluat.vn/bai-viet-hoc-thuat/Cac-truong-phai-an-le-tren-the-gioi--Mo-hinh-nao-cho-Viet-Nam-Ky-I--An-le-mang-tinh-rang-buoc-ap-dung-2307/>, đăng ngày 28/03/2017.

SUMMARY

PRECEDENT AND THE APPLICATION OF PRECEDENT IN VIETNAM LAW SYSTEM

Phạm Thị Huyền*

University of Technology - TNU

The precedent is an important source of law, with a long history of formation and development in the legal science of many countries. Compared with the source of legal normative documents, the precedent has certain advantages and disadvantages. In the legal history of Vietnam, the precedent has been applied for a long time, but only to Resolution No. 03/2015/ NQ-HĐTP, the provisions of the new law are more important and applicable actually and become a legitimate source of law in the Vietnamese legal system.

Key words: *Precedent, common law, civil law, judgments, courts, judges, legal documents, Council of Judges of the Supreme People's Court, Supreme People's Court.*

Ngày nhận bài: 11/4/2017; Ngày phản biện: 26/5/2017; Ngày duyệt đăng: 28/9/2017

* Tel: 0915526456; Email: Phamhuyen2084@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Luu Binh Duong, Nguyen Van Tien - "Sacred" fundamental structure of customary law	3
Nguyen Thi Mai Chanh, Bui Thuy Linh - The characters of mythology in “The Republic of Wine” by Guan Moye	9
Pham Van Cuong - Studying adaptation to the training method of the credit for northern mountainous ethnic minority students	15
Bui Linh Phuong, Mai Thi Ngoc Ha - Analysis and comparison of mathematical content in the forestry agricultural sector training program of a number of universities in the world	19
Trinh Thi Kim Thoa - The situation and the solutions to improve the quality of teaching and learning Ho Chi Minh ideology at University of Information and Communication Technology – TNU	25
Than Thi Thu Ngan - The 90 th anniversary of the publication of “ <i>Duong Kach menh</i> ” book (1927 – 2017) Theoretical and practical meaning of the work “ <i>Duong Kach menh</i> ” of the leader Nguyen Ai Quoc - Ho Chi Minh	31
Ma Thi Ngan - Some features should be regarded when building a physical education program to increase the learning result of students	35
Duong Thi Huong Lan, Nguyen Vu Phong Van, Nguyen Hien Luong - Applied experiential learning activities in an English speaking lesson of University of Economics and Business Administration - Thai Nguyen University	41
Le Ngoc Nuong, Nguyen Thi Ha, Nguyen Hai Khanh - Building the theory of integrity of satisfaction in the work of laborers at Thai Nguyen Traffic Trading and Management Joint Stock Company	47
Doan Quang Thieu - Establishing the standard sample system of occurred economic operations and accounting vouchers for students' practice	53
Do Thi Ha Phuong, Doan Thi Mai, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang - Factors influencing willingness to pay for safety food in Thai Nguyen city, Thai Nguyen province	59
Nguyen Thi Thanh Thuy - Analysis of FPT Joint Stock Company's financial situation	65
Vu Hong Van, Luong Thi Mai Uyen - Strengthen competitive capability of mechanical industry in the process of international economic integration	71
Nguyen Thi Linh Trang, Bui Thi Ngan - The development of non - cash payment service at military JSC Bank – Thai Nguyen branch	77
Nguyen Thi Lan Anh, Nong Thi Van Thao - Building the system of management support in scoring staffs at Vietcombank transaction department	85
Nguyen Thu Nga, Kieu Thi Khanh, Hoang Van Du - Investigation of commercial bank's efficiency with credit risk incorporated	91
Nguyen Thi Van, Nguyen Bich Hong - Solutions to promote the economic structural transformation in Bac Giang province towards industrialization and modernization to 2020 with a vision to 2030	97
Dam Thi Phuong Thao, Nguyen Tien Manh - Estimating the effect of some factors on operational efficiency of real estate companies posted up in Viet Nam stock market	103
Pham Thi Huyen - Precedent and the application of precedent in Vietnam law system	109
Duong Thi Huyen - The relationship of the English's factory in Hirado (1613- 1623) with Japan government	115
Tran Nguyen Si Nguyen - Subtle mass mobilization is core of political activism art of Ho Chi Minh	121

Dinh Thi Giang - J. Locke's thoughts of the origin and characteristics of civil society	127
Tran Bao Ngoc, Le Thi Luu, Bui Thanh Thuy et al - The pharmaceutical students' perception of educational environment at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy by DREEM questionnaire	131
Luong Ngoc Huyen - A current issue of applying mathematics into teaching practice and assessing, evaluating the result of learning mathematics of 10 th grade students in high schools in Tuyen Quang city, causes and solutions	137
Nguyen Thi Hong, Nguyen Xuan Truong, Hoang Thi Giang - Geographical approaches in research of the relationship between economic development and ensuring national defense and security for border communes, Ha Giang province	143
Do Thi Quyen, Nguyen Thi Kim Tuyen - Study psychological factors which affect to the buy online behavior of consumers in Thai Nguyen province	149
Phuong Huu Khiem, Nguyen Dac Dung, Nguyen Ngoc Ly - Developing the output product market for forest plantations followed sustainable trend in Dong Hy district, Thai Nguyen province	155
Phan Thi Thanh Huyen, Ha Xuan Linh - Study on residential land price in Soc Son district, Ha Noi city	161
Nguyen Thi Van Anh - Attracting investment – motivation and foundation to develop sustainable economic in Thai Nguyen province	167
Van Thi Quynh Hoa, Nguyen Lan Huong - The effects of information technology in teaching English to first year students at University of Agriculture and Forestry - Thai Nguyen University	173
Mai Van Can - Using the character of Thach Sanh in teaching English practice at secondary school	179
Do Thi Huong Lien - Discussion on revolution of Hoang Dinh Kinh (Cai Kinh) and relationship with contemporary revolutions	185
Pham Van Quang, Nguyen Huy Anh - Solutions to enhance the activeness of study of students physical education and sport faculty at Thai Nguyen University of Education	191
Nguyen Thi Minh Thu, Bui Thi Ngoc Anh - Folk songs in fishing village of Ha Long Bay - characteristics of sea culture	197
Dang Anh Tuan, Ngo Thi Minh Hang, Pham Thi Trung Ha - Recovering of real estate market and business risk of real estate companies	203
Le Van Tho, Vu Anh Tuan - Assessment land use in urban areas in Viet Tri city – Phu Tho province from 2011 to 2016	209